

KHƠI ĐÔNG



Giá trị của chữ số 7 trong số
247 543 là?

A

700

B

70

C

70 000

7 000

$$560\ 323 + 100\ 788 = \dots?..$$



661 111

B

662 111

C

661 211

D

661 121

$$673 \times 27 = \dots?..$$

A

17 171



18 171

B

18 161

D

18 271

Toán

Bài 9

**LUYỆN TẬP
CHUNG**



Yêu cầu cần đạt

Xác định được giá trị của chữ số theo hàng; so sánh được số tự nhiên, phân số; viết được phân số ở dạng hỗn số; thực hiện được cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên; giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

Vận dụng được việc thực hiện cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên; giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó để giải quyết một số tình huống thực tế.

LUYỆN TẬP



1

Chọn câu trả lời đúng.

a) Giá trị của chữ số 6 trong số 960 730 là:

- A. 60 B. 600 C. 6 000 D. 60 000

b) Số lớn nhất trong các số 109 989; 105 789; 110 200; 99 000 là:

- A. 109 989 B. 105 789 C. 110 200 D. 99 000

c) Phân số bé nhất trong các phân số: $\frac{23}{36}$; $\frac{11}{12}$; $\frac{7}{9}$; $\frac{2}{3}$ là:

- A. $\frac{23}{36}$ B. $\frac{11}{12}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{2}{3}$

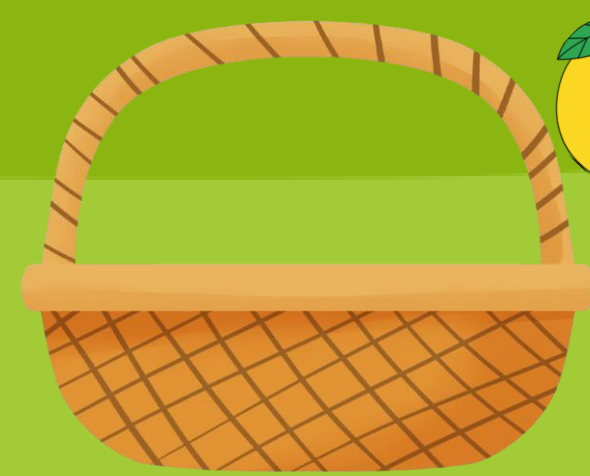
d) Phân số $\frac{143}{100}$ viết dưới dạng hỗn số là:

- A. $14\frac{3}{100}$ B. $1\frac{43}{100}$ C. $140\frac{3}{100}$ D. $3\frac{14}{100}$



HÁI XOÀI



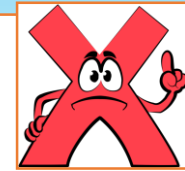


a) Giá trị của chữ số 6 trong số 960 730 là:

A. 60



B. 600



C. 6 000



D. 60 000



b) Số lớn nhất trong các số 109 989; 105 789; 110 200; 99 000 là:

A. 109 989



B. 105 789



C. 110 200



D. 99 000



c) Phân số bé nhất trong các phân số: $\frac{23}{36}$; $\frac{11}{12}$; $\frac{7}{9}$; $\frac{2}{3}$ là:

A. $\frac{23}{36}$

| |
|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> |
|--------------------------|

B. $\frac{11}{12}$

| |
|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> |
|--------------------------|

C. $\frac{7}{9}$

| |
|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> |
|--------------------------|

D. $\frac{2}{3}$

| |
|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> |
|--------------------------|



d) Phân số $\frac{143}{100}$ viết dưới dạng hỗn số là:

A. $14\frac{3}{100}$



B. $1\frac{43}{100}$



C. $140\frac{3}{100}$



D. $3\frac{14}{100}$



2 Tính

$$415\ 076 + 92\ 380$$

$$\begin{array}{r} 415\ 076 \\ + 92\ 380 \\ \hline 507\ 456 \end{array}$$

$$56\ 830 - 7\ 450$$

$$\begin{array}{r} 56\ 830 \\ - 7\ 450 \\ \hline 49\ 380 \end{array}$$

$$407 \times 63$$

$$\begin{array}{r} 407 \\ \times 63 \\ \hline 1221 \\ 2442 \\ \hline 25641 \end{array}$$

$$39\ 872 : 56$$

$$\begin{array}{r} 39\ 872 \quad | \quad 56 \\ \underline{3\ 92} \\ 67 \\ \underline{56} \\ 112 \\ \underline{112} \\ 0 \end{array}$$

3 SỐ?

Một bút bi giá 4 500 đồng, một quyển vở giá 7 000 đồng. Nam mua 2 bút bi và 7 quyển vở. Nam đưa cho cô bán hàng tờ tiền 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại Nam bao nhiêu tiền?

Bài giải

Số tiền Nam mua 2 bút bi là:

$$4\ 500 \times 2 = 9\ 000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền Nam mua 7 quyển vở là:

$$7\ 000 \times 7 = 49\ 000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền Nam mua bút bi và vở là:

$$9\ 000 + 49\ 000 = 58\ 000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền cô bán hàng trả lại Nam là:

$$100\ 000 - 58\ 000 = 42\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 42 000 đồng.



VĂN DUNG

4

Sân trường của Trường Tiểu học Đoàn kết dạng hình chữ nhật có chu vi 142 m, chiều dài hơn chiều rộng 13 m. Tính diện tích sân trường đó.

Bài giải

Nửa chu vi sân trường là:

$$142 : 2 = 71 \text{ (m)}$$

Chiều dài sân trường là:

$$(71 + 13) : 2 = 42 \text{ (m)}$$

Chiều rộng sân trường là:

$$71 - 42 = 29 \text{ (m)}$$

Diện tích sân trường là:

$$42 \times 29 = 1\,218 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 1 218 m²

DẶN DÒ



GV ĐIỀN VÀO ĐÂY



GV ĐIỀN VÀO ĐÂY



GV ĐIỀN VÀO ĐÂY



GV ĐIỀN VÀO ĐÂY

